TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐĂKTÔ** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **59**/2019/QĐST-HNGĐ	*ĐăkTô, ngày 16 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 73/2019/TLST/HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Võ Thị Ngọc A , sinh năm 1983,
Địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện C, tỉnh Kon Tum.
- *Bị đơn*: Anh Lê Thành V, sinh năm 1980,
Địa chỉ: Khối 5, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Võ Thị Ngọc A và anh Lê Thành V;

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Ngọc A và anh Lê Thành V thuận tình ly hôn;

2.2. Về con chung: Có 01 con, Lê Vũ Huy Sang, sinh ngày 19/3/2011. Chị Võ Thị Ngọc A được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Chị A không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Anh V có quyền, nghĩa

vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.3. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. **Án phí: Áp dụng Điều 144; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:**

Chị A và anh V **mỗi người phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 75.000 đồng.** Chị A **tự nguyện nộp thay toàn bộ tiền án phí cho** anh V . **Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 300.000đ** (ba **trăm nghìn) đồng theo biên lai số: 0003**616 **ngày 1**6/9/**201**9 **của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐăkTô.** Trả lại cho chị Võ Thị Ngọc A 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí nêu trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đăk Tô;
- Chi cục THADS huyện ĐăkTô;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Hoa Như